

Số: 307/QĐ-CVI

Hải Phòng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

### GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC I

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-BXD ngày 17/3/2025 của Bộ Xây dựng về việc tổ chức lại các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-BXD ngày 20/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và xác định kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên đối với nguồn phí, lệ phí;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực I (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Trưởng phòng, Trưởng đại diện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục HHĐT VN; (để b/c)
- Lưu: VT, P.TCKT.



Văn Trọng Dũng

**Đơn vị: Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực I**  
**Chương: 019**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 307/QĐ-CVI ngày 29/8/2025 của Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực I)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>8.139,608</b>
1	Lệ phí	510,640
	Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa	510,640
2	Phí	7.628,968
	Phí bảo đảm hàng hải	352,824
	Phí cảng vụ đường thủy nội địa	7.276,144
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa</b>	<b>-</b>
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>6.975,425</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>510,640</b>
	Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa	510,640
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>6.464,785</b>
	Phí bảo đảm hàng hải	352,824
	Phí cảng vụ đường thủy nội địa	6.111,961
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa</b>	<b>-</b>
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-